

B, ngày 24 tháng 10 năm 2024

Số: 1565/2024/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2174/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 07/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Đình T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 100/7A, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị Hương**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 100/7A, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình T và bà Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2012 cấp ngày 08/5/2012 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Tiên và bà Hương xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông Lê Đình T và bà Phạm Thị H có 02 con chung là cháu Lê Đình Đ, sinh ngày 29/10/2012 và cháu Lê Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 24/11/2015. Ly hôn, ông T và bà H thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Hương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Tiên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Lê Đình T và bà Phạm Thị H mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ ông Tiên và bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000916 ngày 02/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 10 năm 2024 là hoàn

toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình T và bà Phạm Thị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông Lê Đình T và bà Phạm Thị H có 02 con chung là cháu Lê Đình Đức, sinh ngày 29/10/2012 và cháu Lê Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 24/11/2015. Ly hôn, ông Lê Đình T và bà Phạm Thị H thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Phạm Thị Hương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Tiên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Đình Tiên được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Lê Đình Tiên và bà Phạm Thị Hương mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ ông Lê Đình Tiên và bà Phạm Thị Hương đã nộp theo biên lai thu số 0000916 ngày 02/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào